|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH HÀ TĨNH**  **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT HÀ TĨNH**  Số: KHKD/XSKT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 01 năm 2016* |

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH**

**VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NĂM 2016 -2020**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Căn cứ vào Nghị quyết Chi bộ năm hàng năm về bổ sung nhiệm vụ lãnh đạo kinh doanh đến năm 2020;

Căn cứ vào chiến lược kinh doanh 2010 – 2015;

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết năm tiến hành lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển từ năm 2016 -2020.

**II. TRÌNH TỰ LẬP KẾ HOẠCH.**

**1. Lập kế hoạch tổng thể hoạt động kinh doanh của toàn Công ty đảm bảo các yêu cầu sau:**

- Doanh thu năm sau cao hơn năm trước từ 10% đến 15%;

- Giảm chi phí để tối đa hóa lợi nhuận;

- Tăng tỷ lệ thu nhập bình quân chung.

**2. Lập kế hoạch chi tiết cho hàng tháng, hàng quý trên cơ sở thực hiện năm trước và kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.**

**3. Các chỉ tiêu cụ thể.**

***3.1. Chỉ tiêu về Kinh doanh:***

***Doanh thu các loại hình vé xổ số (có thuế) và doanh thu HĐTC và khác:***

***Đơn vị: 1000đ***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **2016** | **2017** | **2018** | | | **2019** | **2020** |
| **I** | **Doanh thu các loại hình vé** | **34.498.800** | **32.500.000** | | **34.200.000** | **35.900.000** | | **38.500.000** |
| 1 | Vé xổ số truyền thống | 2.397.600 | 2.500.000 | | 2.700.000 | 2.800.000 | | 3.200.000 |
| 2 | Vé xổ số lô tô | 31.500.000 | 29.400.000 | | 30.870.000 | 32.400.000 | | 34.500.000 |
| 3 | Vé Biết kết quả ngay | 601.200 | 600.000 | | 630.000 | 700.000 | | 800.000 |
| **II** | **Doanh thu HĐTC+ khác** | **500.000** | **360.000** | | **380.000** | **420.000** | | **600.000** |
| **III** | **Tổng chi phí:** | **34.698.800** | **32.100.000** | | **33.780.000** | **35.320.000** | | **37.900.000** |
| 1 | Chi phí trực tiếp phát hành | 4.485.000 | 4.000.000 | | 4.852.000 | 4.800.000 | | 5.400.000 |
| 2 | Chi phí quản lý | 3.866.800 | 3.000.000 | | 4.000.000 | 4.250.000 | | 4.325.000 |
| 3 | Thuế &các khoản nộp NS | 7.272.000 | 7.000.000 | | 7.200.000 | 7.600.000 | | 8.200.000 |
| 4 | Chi phí trả thưởng(55%) | 18.975.000 | 17.550.000 | | 16.978.000 | 17.820.000 | | 18.975.000 |
| 5 | Chi HĐTC( sửa ki ốt) | 100.000 | 200.000 | | 300.000 | 450.000 | | 550.000 |
| 6 | Chi phí khác |  | 350.000 | | 450.000 | 400.000 | | 450.000 |
| **IV** | **Lợi nhuận trước thuế** | **300.000** | **760.000** | | **800.000** | **1.000.000** | | **1.200.000** |

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

**1. Công tác tổ chức giao khoán kinh doanh.**

- Hàng tháng, háng quý Công ty giao khoán doanh số, thu nhập đến từng chi nhánh, địa bàn trên toàn tỉnh. Trên cơ sở kế hoạch hàng tháng việc giao khoán phải đảm bảo đạt và vượt chỉ tiêu giao khoán đề ra.

- Hàng tháng chi nhánh, địa bàn trên toàn tỉnh giao khoán doanh số đến từng đại lý trên địa bàn mình quản lý.

**2. Công tác phát hành.**

- Thay đổi cơ cấu, bộ vé phù hợp với thị trường từng địa bàn.

- Thay đổi cơ cấu giải thưởng vé Lô tô, lô tô cặp phù hợp với tình hình thực tế, từng thời điểm khác nhau nhằm đảm bảo tính ổn định trong công tác kinh doanh.

- Hạn chế số dự thưởng đối với vé lô tô, lô tô cặp phù hợp từng thời điểm.

**3. Công tác quản lý đại lý, thị trường.**

- Mở rộng hệ thống mạng lưới đại lý trong toàn tỉnh có chất lượng, hiệu quả.

- Các địa bàn thường xuyên chăm sóc, đôn đốc hệ thống đại lý trên địa bàn.

- Mở rộng địa bàn hoạt động xổ số: Hương Sơn (Phố Châu + Nầm).

- Tuyên truyền hoạt động xổ số thường xuyên.

- Lên kế hoạch phòng chống số đề hàng tháng, hàng quý.

- Lên kế hoạch kiểm tra các địa bàn trong toàn tỉnh.

- Xử lý nghiêm những đại lý không thực hiện đúng quy chế của Công ty đã đề ra.

**4. Công tác bố trí, sắp xếp nguồn nhân lực.**

- Nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của từng địa bàn để điều động cán bộ hợp lý, tránh trường hợp địa bàn doanh thu ít nhưng cán bộ nhiều và ngược lại.

- Luân chuyển cán bộ từ địa bàn này sang địa bàn khác nếu không thực hiện đầy đủ giao khoán của Công ty.

- Các địa bàn có cán bộ quản lý nhưng thực hiện giao khoán không đạt có thể mở Tổng đại lý thay thế.

Trong quá trình triển khai thực hiện có gì vướng mắc, các phòng, chi nhánh, địa bàn đề xuất trực tiếp với Chủ tịch kiêm Giám đốc để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

**CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC**

**Trương Văn Chương**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH HÀ TĨNH**  **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT HÀ TĨNH**  Số: ĐMLĐ/XSKT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 01 năm 2017* |

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG**

**NĂM 2017**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH ĐỊNH MỨC**

Căn cứ vào Nghị quyết Chi bộ năm 2015 về bổ sung nhiệm vụ lãnh đạo kinh doanh đến năm 2020;

Căn cứ vào chiến lược kinh doanh 2015 – 2020;

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết năm 2017.

**II. TRÌNH TỰ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC LOA ĐỘNG**

**1. Xây dựng định mức lao động toàn Công ty đảm bảo các yêu cầu sau:**

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước;

- Tỷ lệ tăng trưởng 5%;

- Giảm chi phí để tối đa hóa lợi nhuận;

- Tăng tỷ lệ thu nhập bình quân chung.

**2. Định mức lao động chi tiết cho hàng tháng, hàng quý trên cơ sở thực hiện năm trước và kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2017.**

**3. Các chỉ tiêu cụ thể.**

***3.1. Chỉ tiêu về Kinh doanh chính.***

**- Doanh thu các loại hình vé (có thuế): 32.500.000.000 đồng;**

Trong đó:

+ Vé Xổ số truyền thống: 2.500.000.000 đồng;

+ Vé Xổ số Lô tô + Lô tô cặp: 29.400.000.000 đồng;

+ Vé Xổ số BKQN: 600.000.000 đồng;

**- Tổng chi phí Kinh doanh chính: 31.900.000.000 đồng;**

Trong đó:

+ Chi phí trực tiếp phát hành : 4.000.000.000 đồng;

+ Chi phí quản lý: 3.000.000.000 đồng;

+ Thuế và các khoản nộp Ngân sách: 7.000.000.000 đồng;

+ Chi phí trả thưởng (54%): 17.550.000.000 đồng;

+ Chi phí khác: 350.000.000 đồng;

**- Lợi nhuận trước thuế Kinh doanh chính: 600.000.000 đồng.**

***3.2. Chỉ tiêu về kinh doanh phụ.***

- Thu từ HĐKD phụ: 360.000.000 đồng;

- Chi phí sửa chữa ki ốt: 200.000.000 đồng;

- Lợi nhuận từ Kinh doanh phụ: 160.000.000 đồng.

***3.3. Tổng lợi nhuận trước thuế: 760.000.000 đồng.***

**4. Định mức lao động bình quân để xây dựng đơn giá tiền lương (34 lao động)**

Định mức lao động: 1.048.387.000 đồng/lao động/năm. Định mức này không bao gồm kinh doanh phụ (cho thuê ki ốt, thu khác).

**5. Định mức lao động để khoán thu nhập cho lao động trực tiếp**

\* Số lao động trực tiếp: (20 người)

+ Chi nhánh Hồng Lĩnh: 04 người;

+ Thành phố Hà Tĩnh: 07 người;

+ Cẩm Xuyên: 02 người;

+ Can Lộc: 02 người;

+ Đức Thọ: 02 người;

+ Kỳ Anh: 01 người;

+ Phía Nam: 01 người;

+ Hương Khê: 01 người;

**Cộng: 20 người.**

\* Định mức lao động khoán trực tiếp: 1.624.800.000 đồng/người/năm.

- Mức khoán cho mỗi lao động doanh số các loại hình vé hàng tháng phải đạt 135.300.000 đồng/tháng.

+ Lô tô, Lô tô cặp: 122.400.000 đồng/tháng;

+ Truyền thống: 10.380.000 đồng/tháng;

+ BKQN: 2.520.000 đồng/tháng.

- Định mức khoán cụ thể mỗi lao động/ngày

+ Lô tô, Lô tô cặp: 4.080.000 đồng/ngày;

+ Truyền thống: 346.000 đồng/ngày;

+ BKQN: 84.000 đồng/ngày.

**6. Cách tính thu nhập hàng tháng**

- Đối với vé Lô tô, Lô tô cặp đạt 122.400.000 đồng/tháng được tính 70%;

- Đối với vé truyền thống đạt 10.380.000 đồng/tháng được tính 20%;

- Đối với vé BKQN đạt 2.520.000 đồng/tháng được tính 10%;

\* Doanh thu không đạt loại hình vé nào giảm trừ thu nhập theo loại hình vé đó;

\* Doanh thu loại hình vé nào vượt thì thu nhập tăng theo tỷ lệ loại hình vé đó;

Ví dụ:

- Vé truyền thống giao khoán 10.380.000 đồng, thực hiện 20.000.000 đồng thì tỷ lệ tính thu nhập sẽ là: 20.760.000/10.380.000\*20% = 40%;

- Vé BKQN giao khoán 2.520.000, thực hiện 5.040.000 thì tỷ lệ tính thu nhập sẽ là: 5.040.000/2.520.000 \* 10% = 20%.

**7. Phương thức chi trả tiền lương và thu nhập cho cán bộ công nhân viên toàn công ty**

7.1. Đối với văn phòng công ty

Tiền lương và thu nhập được chi trả trên cơ sở tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của toàn công ty.

7.2. Đối với cán bộ phụ trách trực tiếp các Phòng Kinh doanh – QLTT, Chi nhánh Hồng Lĩnh thì tiền lương và thu nhập được chi trả trên cơ sở tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch phòng Kinh doanh, chi nhánh Hồng Lĩnh.

7.3. Đối với cán bộ phụ trách địa bàn huyện thì tiền lương và thu nhập được tính theo tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch của địa bàn mình phụ trách, ngoài ra còn được chế độ phụ cấp chức vụ theo quyết định của Chủ tịch công ty./.

**CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC**

**Trương Văn Chương**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH HÀ TĨNH**  **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT HÀ TĨNH**  Số: ĐMLĐ/XSKT | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**    *Hà Tĩnh, ngày 01 tháng 01 năm 2017* |

**KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG**

**NĂM 2017**

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH ĐỊNH MỨC**

Căn cứ vào Nghị quyết Chi bộ năm 2015 về bổ sung nhiệm vụ lãnh đạo kinh doanh đến năm 2020;

Căn cứ vào chiến lược kinh doanh 2015 – 2020;

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết năm 2017.

**II. TRÌNH TỰ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC LOA ĐỘNG**

**1. Xây dựng định mức lao động toàn Công ty đảm bảo các yêu cầu sau:**

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước;

- Tỷ lệ tăng trưởng 5%;

- Giảm chi phí để tối đa hóa lợi nhuận;

- Tăng tỷ lệ thu nhập bình quân chung.

**2. Định mức lao động chi tiết cho hàng tháng, hàng quý trên cơ sở thực hiện năm trước và kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh giao năm 2017.**

**3. Các chỉ tiêu cụ thể.**

***3.1. Chỉ tiêu về Kinh doanh chính.***

**- Doanh thu các loại hình vé (có thuế): 32.500.000.000 đồng;**

Trong đó:

+ Vé Xổ số truyền thống: 2.500.000.000 đồng;

+ Vé Xổ số Lô tô + Lô tô cặp: 29.400.000.000 đồng;

+ Vé Xổ số BKQN: 600.000.000 đồng;

**- Tổng chi phí Kinh doanh chính: 31.900.000.000 đồng;**

Trong đó:

+ Chi phí trực tiếp phát hành : 4.000.000.000 đồng;

+ Chi phí quản lý: 3.000.000.000 đồng;

+ Thuế và các khoản nộp Ngân sách: 7.000.000.000 đồng;

+ Chi phí trả thưởng (54%): 17.550.000.000 đồng;

+ Chi phí khác: 350.000.000 đồng;

**- Lợi nhuận trước thuế Kinh doanh chính: 600.000.000 đồng.**

***3.2. Chỉ tiêu về kinh doanh phụ.***

- Thu từ HĐKD phụ: 360.000.000 đồng;

- Chi phí sửa chữa ki ốt: 200.000.000 đồng;

- Lợi nhuận từ Kinh doanh phụ: 160.000.000 đồng.

***3.3. Tổng lợi nhuận trước thuế: 760.000.000 đồng.***

**4. Định mức lao động bình quân để xây dựng đơn giá tiền lương (34 lao động)**

Định mức lao động: 1.048.387.000 đồng/lao động/năm. Định mức này không bao gồm kinh doanh phụ (cho thuê ki ốt, thu khác).

**5. Định mức lao động để khoán thu nhập cho lao động trực tiếp**

\* Số lao động trực tiếp: (20 người)

+ Chi nhánh Hồng Lĩnh: 04 người;

+ Thành phố Hà Tĩnh: 07 người;

+ Cẩm Xuyên: 02 người;

+ Can Lộc: 02 người;

+ Đức Thọ: 02 người;

+ Kỳ Anh: 01 người;

+ Phía Nam: 01 người;

+ Hương Khê: 01 người;

**Cộng: 20 người.**

\* Định mức lao động khoán trực tiếp: 1.624.800.000 đồng/người/năm.

- Mức khoán cho mỗi lao động doanh số các loại hình vé hàng tháng phải đạt 135.300.000 đồng/tháng.

+ Lô tô, Lô tô cặp: 122.400.000 đồng/tháng;

+ Truyền thống: 10.380.000 đồng/tháng;

+ BKQN: 2.520.000 đồng/tháng.

- Định mức khoán cụ thể mỗi lao động/ngày

+ Lô tô, Lô tô cặp: 4.080.000 đồng/ngày;

+ Truyền thống: 346.000 đồng/ngày;

+ BKQN: 84.000 đồng/ngày.

**6. Cách tính thu nhập hàng tháng**

- Đối với vé Lô tô, Lô tô cặp đạt 122.400.000 đồng/tháng được tính 70%;

- Đối với vé truyền thống đạt 10.380.000 đồng/tháng được tính 20%;

- Đối với vé BKQN đạt 2.520.000 đồng/tháng được tính 10%;

\* Doanh thu không đạt loại hình vé nào giảm trừ thu nhập theo loại hình vé đó;

\* Doanh thu loại hình vé nào vượt thì thu nhập tăng theo tỷ lệ loại hình vé đó;

Ví dụ:

- Vé truyền thống giao khoán 10.380.000 đồng, thực hiện 20.000.000 đồng thì tỷ lệ tính thu nhập sẽ là: 20.760.000/10.380.000\*20% = 40%;

- Vé BKQN giao khoán 2.520.000, thực hiện 5.040.000 thì tỷ lệ tính thu nhập sẽ là: 5.040.000/2.520.000 \* 10% = 20%.

**7. Phương thức chi trả tiền lương và thu nhập cho cán bộ công nhân viên toàn công ty**

7.1. Đối với văn phòng công ty

Tiền lương và thu nhập được chi trả trên cơ sở tỷ lệ hoàn thành kế hoạch của toàn công ty.

7.2. Đối với cán bộ phụ trách trực tiếp các Phòng Kinh doanh – QLTT, Chi nhánh Hồng Lĩnh thì tiền lương và thu nhập được chi trả trên cơ sở tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch phòng Kinh doanh, chi nhánh Hồng Lĩnh.

7.3. Đối với cán bộ phụ trách địa bàn huyện thì tiền lương và thu nhập được tính theo tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch của địa bàn mình phụ trách, ngoài ra còn được chế độ phụ cấp chức vụ theo quyết định của Chủ tịch công ty./.

**CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC**

**Trương Văn Chương**

**KẾ HOẠCH CHI TIẾT DOANH SỐ HÀNG THÁNG ĐỊA BÀN** *……………………*

**Năm 2014**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỨ TỰ** | **THÁNG** | **TRUYỀN THỐNG** | **VÉ LÔ TÔ + CẶP** | **VÉ BKQN** |
| **QUÝ**  **I** | 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| **QUÝ**  **II** | 4 |  |  |  |
| 5 |  |  |  |
| 6 |  |  |  |
| **QUÝ III** | 7 |  |  |  |
| 8 |  |  |  |
| 9 |  |  |  |
| **QUÝ IV** | 10 |  |  |  |
| 11 |  |  |  |
| 12 |  |  |  |
|  | **CỘNG** |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ TỊCH KIÊM GIÁM ĐỐC** | **ĐỊA BÀN** …………………………. |

***Ghi chú: Tính chi tiết kế hoạch doanh số hàng tháng là cơ sở để tính thu nhập hàng tháng đó.***